

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa”
(Trừ lượng tính đến ngày 28 tháng 01 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 26/2007/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên đá carbonat;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3532/QĐ-UBND ngày 26/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh;

Căn cứ Giấy phép số 247/GP-UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH Phúc Hương được thăm dò khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Xét Đơn đề ngày 08/02/2021 của Công ty TNHH Phúc Hương đề nghị Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 209/TTr-STNMT ngày 31/3/2021 (kèm theo kết luận của Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò tại phiên họp ngày 12/01/2021 và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc”, với các nội dung chính sau:

1. Vị trí, diện tích:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 2,3 ha, được giới hạn bởi các điểm góc 3, 4, 5, 11, 12, 13, 14 và 15, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0 , thuộc xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc (tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá vôi làm VLXD thông thường đã tính trong báo cáo:

- Trữ lượng địa chất cấp 121: 581.566 m^3 đá vôi làm VLXD thông thường, trong đó có 46.526 m^3 đá khối để xẻ;

- Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác: 581.566 m^3 đá vôi làm VLXD thông thường, trong đó có 46.526 m^3 đá khối để xẻ.

3. Khoáng sản đi kèm: Không

4. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 02 kèm theo.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Văn phòng Bộ TN&MT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty TNHH Phúc Hương;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, HCC, CN (T315).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG
THƯỜNG TẠI XÃ CAO THỊNH, HUYỆN NGỌC LẠC**
(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày / /2021 của UBND tỉnh)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
3	2218 036.47	552 152.67
4	2218 119.82	552 178.57
5	2218 186.33	552 109.70
11	2218 244.65	552 140.87
12	2218 124.30	552 248.29
13	2218 039.98	552 302.57
14	2217 987.36	552 274.08
15	2217 965.27	552 240.50
Diện tích S = 2,3 ha		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐÁ VÔI LÀM VLXD THÔNG
THƯỜNG TẠI XÃ CAO THỊNH, HUYỆN NGỌC LẶC**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Số hiệu khối	Mức sâu thấp nhất (m)	Trữ lượng (m ³)	Trữ lượng đá VLXD TT (m ³) 92%	Trữ lượng đá khối để xẻ (m ³) 8%	Ghi chú
KI-121	+ 15	20.903	19.231	1.672	
KII-121		195.770	180.108	15.662	
KIII-121		346.298	318.594	27.704	
KIV- 121		18.595	17.107	1.488	
Trữ lượng địa chất		581.566	535.040	46.526	
Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác		581.566	535.040	46.526	